

Số: /QĐ-UBND

Sóc Trăng, ngày tháng 10 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Tiêu chí đánh giá, thang điểm thi đua Chuyển đổi số
tỉnh Sóc Trăng**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị quyết số 07-NQ/TU ngày 27/10/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Khóa XIV về Chuyển đổi số tỉnh Sóc Trăng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Kế hoạch số 195/KH-UBND ngày 26/12/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về Kế hoạch phát động phong trào thi đua Chuyển đổi số tỉnh Sóc Trăng, giai đoạn 2021-2025;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Sóc Trăng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Tiêu chí đánh giá, thang điểm thi đua Chuyển đổi số tỉnh Sóc Trăng áp dụng cho các sở ngành tỉnh, đơn vị sự nghiệp trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, xã, phường, thị trấn và các cơ quan thuộc Trung ương đặt tại tỉnh (sau đây gọi tắt là cơ quan, đơn vị) trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

Điều 2.

1. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm tổ chức đánh giá, xác định tiêu chí, thang điểm thi đua Chuyển đổi số của đơn vị mình, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm tổ chức đánh giá kết quả thi đua chuyển đổi số cấp xã theo Tiêu chí đánh giá, thang điểm thi đua Chuyển đổi số tỉnh Sóc Trăng; đồng thời, tổng hợp số liệu báo cáo, tài liệu minh chứng kết quả thi đua chuyển đổi số gửi về Sở Thông tin và Truyền thông **chậm nhất ngày 15/12 hằng năm**.

2. Sở Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện thi đua Chuyển đổi số của các cơ quan, đơn vị; đồng thời, tham mưu, đề xuất sửa đổi, bổ sung các Tiêu chí đánh giá, thang điểm thi đua Chuyển đổi số hằng năm phù hợp với tình hình chuyển đổi số của tỉnh.

3. Sở Nội vụ phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông tổng hợp kết quả thi đua Chuyển đổi số của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh để tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng những cơ quan, đơn vị đạt thành tích nổi bật trong phong trào thi đua Chuyển đổi số tỉnh Sóc Trăng hằng năm.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Nội vụ; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức có liên quan căn cứ Quyết định thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TT. Tỉnh ủy, TT. HĐND tỉnh;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Trang TTĐT VPUBND tỉnh;
- Lưu: VT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Huỳnh Thị Diễm Ngọc

**TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ, THANG ĐIỂM THI ĐUA CHUYỂN ĐỔI SỐ
TỈNH SÓC TRĂNG**

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /10/2023
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng)

Số TT	Nội dung tiêu chí	Điểm chuẩn	Cách tính	Căn cứ tính điểm
I	Đơn vị cấp tỉnh (16 tiêu chí - Thang điểm 100 điểm)			
1	Ban hành, báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch, ứng dụng công nghệ thông tin/Chuyển đổi số năm	8	- Nếu ban hành, báo cáo kết quả thực hiện đúng thời gian quy định: Điểm = điểm chuẩn - Nếu ban hành, báo cáo kết quả thực hiện trễ so với thời gian quy định thì sẽ trừ 01 điểm/tháng	Ngày ban hành văn bản
2	Bố trí nhân sự thực hiện nhiệm vụ công nghệ thông tin/Chuyển đổi số	5	- Bố trí nhân sự đạt chuẩn theo vị trí việc làm của ngành và có trình độ chuyên ngành công nghệ thông tin từ đại học trở lên: Điểm = 5 - Bố trí nhân sự đạt chuẩn theo vị trí việc làm và có trình độ chuyên ngành công nghệ thông tin trung cấp hoặc cao đẳng: Điểm = 4 - Bố trí nhân sự đạt chuẩn theo vị trí việc làm: Điểm = 3	Văn bản liên quan đến vị trí việc làm của đơn vị, phân công, xác nhận chuyên môn.
3	95% thủ tục hành chính có đủ điều kiện được cung cấp dưới dạng dịch vụ công trực tuyến mức độ toàn trình	4	- Đạt $\geq 95\%$: Điểm = điểm chuẩn - Đạt $< 95\%$: Điểm = Tỷ lệ đạt/95*điểm chuẩn Ví dụ: Với tỉ lệ đạt là 90% thì Điểm = $90/95*4 = 3,8$ điểm	Căn cứ Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh (Cổng DVC tỉnh)
4	90% hồ sơ công việc ¹ được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước)	10	- Đạt $\geq 90\%$: Điểm = điểm chuẩn - Đạt $< 90\%$: Điểm = Tỷ lệ đạt/90*điểm chuẩn	- Số liệu của các đơn vị báo cáo Sở Nội vụ hằng năm. - Kiểm tra tại một số đơn vị.

¹ Hồ sơ công việc là văn bản đến chuyển đến cơ quan qua Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành, văn bản giấy cập nhật lên hệ thống

Số TT	Nội dung tiêu chí	Điểm chuẩn	Cách tính	Căn cứ tính điểm
5	100% văn bản hành chính (trừ văn bản mật) được gửi nhận bằng văn bản điện tử trên môi trường mạng	10	Điểm = Tỷ lệ đạt*điểm chuẩn	- Số liệu của các đơn vị báo cáo Sở Nội vụ hằng năm; - Kiểm tra số liệu văn bản phát hành qua Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành của tỉnh; - Kiểm tra tại một số đơn vị.
6	100% chế độ báo cáo, chỉ tiêu tổng hợp báo cáo định kỳ và báo cáo thống kê về kinh tế - xã hội phục vụ sự chỉ đạo, điều hành của cấp ủy Đảng, chính quyền được kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu số trên hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh và Chính phủ.	5	- Nhập số liệu đầy đủ và đúng thời gian quy định: Điểm = Điểm chuẩn. - Cứ 01 lần nhập số liệu không đúng thời gian quy định thì trừ 20% số điểm đối với tần suất nhập tháng, 30% số điểm đối với tần suất quý, 60% số điểm đối với tần suất 6 tháng, 100% số điểm đối với tần suất năm	Căn cứ Quy chế quản lý, vận hành và khai thác Hệ thống thông tin báo cáo chỉ tiêu kinh tế - xã hội tỉnh Sóc Trăng
7	Hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và các hệ thống thông tin của cơ quan	2	- Có hoạt động kiểm tra thông qua môi trường mạng: Điểm = điểm chuẩn - Không có hoạt động: 0 điểm	Căn cứ vào kế hoạch kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước; giải trình được kết quả kiểm tra được cung cấp, thực hiện qua môi trường mạng
8	100% tỷ lệ hồ sơ xử lý đúng hạn trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh (Cổng DVC tỉnh)	10	Điểm = Tỷ lệ đúng hạn* điểm chuẩn.	Căn cứ Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh (Cổng DVC tỉnh)
9	100% cán bộ, công chức, viên chức có sử dụng tài khoản thư điện tử công vụ tỉnh và thường xuyên đăng nhập sử dụng Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành	6	Điểm = Tỷ lệ đạt * điểm chuẩn	Căn cứ báo cáo của đơn vị và số liệu của Sở Thông tin và Truyền thông

Số TT	Nội dung tiêu chí	Điểm chuẩn	Cách tính	Căn cứ tính điểm
10	100% cán bộ, công chức, viên chức cài đặt Ứng dụng di động “Công dân Sóc Trăng” và có đăng ký tài khoản để sử dụng ứng dụng	6	Điểm = Tỷ lệ đạt * điểm chuẩn	Căn cứ số liệu báo cáo của đơn vị, các phương pháp kiểm tra
11	100% cán bộ, công chức, viên chức có chức danh từ cấp phó trưởng phòng và tương đương trở lên có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân; đồng thời thực hiện ký số	6	Điểm = Tỷ lệ đạt * điểm chuẩn	Căn cứ báo cáo của đơn vị và số liệu của Sở Thông tin và Truyền thông.
12	100% cán bộ, công chức, viên chức cài đặt, đăng ký và kích hoạt sử dụng ứng dụng VNeID mức 2	6	Điểm = Tỷ lệ đạt * điểm chuẩn	Căn cứ báo cáo của đơn vị và số liệu Công an tỉnh cung cấp
13	Tổ chức/phối hợp triển khai có hỗ trợ sử dụng dịch vụ công trực tuyến, thanh toán trực tuyến cho cá nhân, tổ chức	5	- Tổ chức triển khai: Điểm = điểm chuẩn - Phối hợp triển khai: Điểm = điểm chuẩn - 2	Căn cứ Kế hoạch, Chương trình cụ thể kèm theo hình ảnh, clip minh chứng
14	50% tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến	5	- Đạt $\geq 50\%$: Điểm = điểm chuẩn - Đạt $< 50\%$: Điểm = 0	Căn cứ số liệu trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh (Cổng DVC tỉnh)
15	Hệ thống thông tin của cơ quan được phê duyệt cấp độ an toàn hệ thống thông tin	4	Điểm = Hệ thống thông tin được phê duyệt/Tổng số hệ thống thông tin * điểm chuẩn	Công văn số 1610/STTTT-CDS ngày 20/6/2022 của Sở Thông tin và Truyền thông về việc rà soát, xác định cấp độ ATTT cho hệ thống thông tin (Kèm tài liệu Hướng dẫn)

Số TT	Nội dung tiêu chí	Điểm chuẩn	Cách tính	Căn cứ tính điểm
16	Tổ chức hưởng ứng Ngày Chuyển đổi số tỉnh Sóc Trăng (Ngày 10/10) hằng năm	8	- Tổ chức hoạt động cụ thể, thiết thực theo yêu cầu và phong trào, hoạt động nhằm nâng cao kết quả chuyển đổi số của ngành: Điểm = Điểm chuẩn - Tổ chức hoạt động cụ thể, thiết thực theo yêu cầu: Điểm = 3 - Có hoạt động, nhưng chưa cụ thể, thiết thực theo yêu cầu: Điểm = 1	Căn cứ Kế hoạch, Chương trình cụ thể; báo cáo số liệu, hình ảnh, clip minh chứng
II	Đơn vị cấp huyện (15 tiêu chí - Thang điểm 100 điểm)			
1	Ban hành, báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch, ứng dụng công nghệ thông tin/Chuyển đổi số năm	8	- Nếu ban hành, báo cáo kết quả thực hiện đúng thời gian quy định: Điểm = điểm chuẩn - Nếu ban hành, báo cáo kết quả thực hiện trễ so với thời gian quy định thì sẽ trừ 01 điểm/tháng	Ngày ban hành văn bản
2	Ban hành, báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng	5	- Nếu ban hành, báo cáo kết quả thực hiện đúng thời gian quy định: Điểm = điểm chuẩn - Nếu ban hành, báo cáo kết quả thực hiện trễ so với thời gian quy định thì sẽ trừ 01 điểm/tháng	Ngày ban hành văn bản
3	Bố trí nhân sự thực hiện nhiệm vụ công nghệ thông tin/Chuyển đổi số	5	- Bố trí nhân sự đạt chuẩn theo vị trí việc làm của ngành và có trình độ chuyên ngành công nghệ thông tin từ đại học trở lên: Điểm = 5 - Bố trí nhân sự đạt chuẩn theo vị trí việc làm và có trình độ chuyên ngành công nghệ thông tin trung học hoặc cao đẳng: Điểm = 4 - Bố trí nhân sự đạt chuẩn theo vị trí việc làm: Điểm = 3	Văn bản liên quan vị trí việc làm của ngành, phân công, xác nhận chuyên môn
4	80% hồ sơ công việc được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước)	10	- Đạt $\geq 80\%$: Điểm = Điểm chuẩn - Đạt $< 80\%$: Điểm = Tỷ lệ đạt được/80 * điểm chuẩn	- Số liệu của đơn vị báo cáo Sở Nội vụ hằng năm; - Kiểm tra tại một số đơn vị

Số TT	Nội dung tiêu chí	Điểm chuẩn	Cách tính	Căn cứ tính điểm
5	100% văn bản hành chính (trừ văn bản mật) được gửi nhận bằng văn bản điện tử	10	Điểm = Tỷ lệ đạt* điểm chuẩn	- Số liệu của các đơn vị báo cáo Sở Nội vụ hằng năm; - Kiểm tra số liệu văn bản phát hành qua hệ thống Quản lý văn bản và điều hành; - Kiểm tra tại một số đơn vị.
6	100% chế độ báo cáo, chỉ tiêu tổng hợp báo cáo định kỳ và báo cáo thống kê về kinh tế - xã hội phục vụ sự chỉ đạo, điều hành của cấp ủy Đảng, chính quyền được kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu số trên hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh và Chính phủ	5	- Nhập số liệu đầy đủ và đúng thời gian quy định: Điểm = điểm chuẩn - Cứ 01 lần nhập liệu không đúng thời gian quy định, trừ 20% số điểm đối với tần suất nhập tháng, 30% số điểm đối với tần suất quý, 60% số điểm đối với tần suất 6 tháng, 100% số điểm đối với tần suất năm	Căn cứ Quy chế quản lý, vận hành và khai thác Hệ thống thông tin báo cáo chỉ tiêu kinh tế - xã hội tỉnh Sóc Trăng
7	100% cán bộ, công chức, viên chức có sử dụng tài khoản thư công vụ tỉnh và thường xuyên đăng nhập sử dụng Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành	6	Điểm = Tỷ lệ đạt * điểm chuẩn	Căn cứ báo cáo của đơn vị và số liệu của Sở Thông tin và Truyền thông
8	100% Tỷ lệ hồ sơ xử lý đúng hạn trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh (Cổng DVC tỉnh)	10	Điểm = Tỷ lệ đúng hạn* điểm chuẩn	Căn cứ Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh (Cổng DVC tỉnh)
9	100% cán bộ, công chức, viên chức cài đặt ứng dụng di động “Công dân Sóc Trăng” và có đăng ký tài khoản để sử dụng	6	Điểm = Tỷ lệ đạt * điểm chuẩn	Căn cứ số liệu báo cáo của đơn vị; kiểm tra ngẫu nhiên

Số TT	Nội dung tiêu chí	Điểm chuẩn	Cách tính	Căn cứ tính điểm
10	100% cán bộ, công chức, viên chức có chức danh từ cấp phó trưởng phòng và tương đương trở lên có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân; đồng thời thực hiện ký số	6	Điểm = Tỷ lệ đạt được * điểm chuẩn	Căn cứ báo cáo của đơn vị và số liệu của Sở Thông tin và Truyền thông
11	100% cán bộ, công chức, viên chức cài đặt, đăng ký và kích hoạt sử dụng VNeID mức 2.	6	Điểm = Tỷ lệ đạt * điểm chuẩn	Căn cứ báo cáo của đơn vị và số liệu Công an tỉnh cung cấp.
12	Tỷ lệ người dân có cài đặt, đăng ký và kích hoạt sử dụng VNeID mức 2	6	Điểm = Tỷ lệ đạt/100 * điểm chuẩn	Căn cứ báo cáo của đơn vị và số liệu Công an tỉnh cung cấp
13	50% người dân cài đặt ứng dụng di động “Công dân Sóc Trăng” và có đăng ký tài khoản ứng dụng trên để sử dụng	5	- Đạt $\geq 50\%$: Điểm = điểm chuẩn - Điểm = Tỷ lệ đạt/50 * điểm chuẩn	Căn cứ vào số liệu báo cáo của đơn vị; phương pháp kiểm tra khác.
14	100% sản phẩm thuộc Chương trình “Mỗi xã, phường một sản phẩm” (OCOP) có mặt trên các Sàn thương mại điện tử	4	Điểm = Tỷ lệ đạt * điểm chuẩn	Số liệu do Sở Công thương cung cấp
15	Tổ chức hưởng ứng Ngày Chuyển đổi số tỉnh Sóc Trăng (Ngày 10/10) hằng năm	8	- Tổ chức hoạt động cụ thể, thiết thực theo yêu cầu và phong trào, hoạt động nhằm nâng cao kết quả chuyển đổi số của địa phương: Điểm = Điểm chuẩn - Tổ chức hoạt động cụ thể, thiết thực theo yêu cầu: Điểm = 3 - Có hoạt động, nhưng chưa cụ thể, thiết thực theo yêu cầu: Điểm = 1	Có kế hoạch, chương trình cụ thể; báo cáo số liệu, ảnh, clip minh chứng

Số TT	Nội dung tiêu chí	Điểm chuẩn	Cách tính	Căn cứ tính điểm
III	Đơn vị cấp xã (14 chỉ tiêu – Thang điểm 100 điểm)			
1	Ban hành, báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch, ứng dụng công nghệ thông tin/Chuyển đổi số năm	8	- Nếu ban hành, báo cáo kết quả thực hiện đúng thời gian quy định: Điểm = điểm chuẩn - Nếu ban hành, báo cáo kết quả thực hiện trễ so với thời gian quy định thì sẽ trừ 01 điểm/tháng.	Ngày ban hành văn bản
2	Ban hành, báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng	5	- Nếu ban hành, báo cáo kết quả thực hiện đúng thời gian quy định: Điểm = điểm chuẩn - Nếu ban hành, báo cáo kết quả thực hiện trễ so với thời gian quy định thì sẽ trừ 01 điểm/tháng	Ngày ban hành văn bản
3	60% hồ sơ công việc được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước)	10	- Đạt $\geq 60\%$: Điểm = điểm chuẩn - Đạt $< 60\%$: Điểm = Tỷ lệ đạt/60 * điểm chuẩn	- Số liệu của đơn vị báo cáo Sở Nội vụ hằng năm; - Kiểm tra tại một số đơn vị.
4	100% văn bản hành chính (trừ văn bản mật) được gửi nhận bằng văn bản điện tử	10	Điểm = Tỷ lệ đạt * điểm chuẩn	- Số liệu của đơn vị báo cáo Sở Nội vụ hằng năm; - Kiểm tra thực tế tại một số đơn vị. - Kiểm tra số liệu văn bản phát hành qua hệ thống quản lý văn bản và điều hành;
5	100% cán bộ, công chức, viên chức có sử dụng tài khoản hộp thư công vụ tỉnh và thường xuyên đăng nhập sử dụng Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành	6	Điểm = Tỷ lệ đạt * điểm chuẩn	Căn cứ báo cáo của đơn vị và số liệu của Sở Thông tin và Truyền thông
6	100% Tỷ lệ hồ sơ xử lý đúng hạn trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh (Cổng DVC tỉnh)	10	Điểm = Tỷ lệ đúng hạn * điểm chuẩn	Căn cứ Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh (Cổng DVC tỉnh)

Số TT	Nội dung tiêu chí	Điểm chuẩn	Cách tính	Căn cứ tính điểm
7	100% cán bộ, công chức, viên chức cài đặt ứng dụng di động “Công dân Sóc Trăng” và có đăng ký tài khoản ứng dụng trên để sử dụng	6	Điểm = Tỷ lệ đạt * điểm chuẩn.	- Căn cứ số liệu báo cáo của đơn vị; - Kiểm tra tại một số đơn vị.
8	100% cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân; đồng thời thực hiện ký số	6	Điểm = Tỷ lệ đạt * điểm chuẩn.	Căn cứ báo cáo của đơn vị và số liệu của Sở Thông tin và Truyền thông
9	100% cán bộ, công chức, viên chức cài đặt, đăng ký và kích hoạt sử dụng VNeID mức 2	6	Điểm = Tỷ lệ đạt * điểm chuẩn.	Căn cứ báo cáo của đơn vị và số liệu Công an tỉnh cung cấp.
10	Tỷ lệ người dân có cài đặt, đăng ký và kích hoạt sử dụng VneID mức 2	6	Điểm = Tỷ lệ đạt * điểm chuẩn.	Căn cứ báo cáo của đơn vị và số liệu Công an tỉnh cung cấp.
11	100% Tổ công nghệ số cộng đồng tổ chức hướng dẫn người dân, doanh nghiệp cài đặt app, thực hiện dịch vụ công trực tuyến, thanh toán không dùng tiền mặt	8	- 100% Tổ CNSCD có hoạt động: Điểm = điểm chuẩn - Chỉ 01 Tổ CNSCD không hoạt động: Điểm = 0	- Có kế hoạch hoạt động - Có hoạt động ít nhất 03 tháng/lần; hình ảnh, bài viết, clip minh chứng
12	Tỷ lệ hộ gia đình có sử dụng dịch vụ công trực tuyến đạt 30%	6	Điểm = Tỷ lệ đạt/30 * điểm chuẩn	Căn cứ báo cáo của đơn vị; Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh
13	50% người dân cài đặt ứng dụng di động “Công dân Sóc Trăng” và có đăng ký tài khoản ứng dụng trên để sử dụng	5	Điểm = Tỷ lệ đạt/50 * điểm chuẩn	Căn cứ báo cáo của đơn vị; phương pháp kiểm tra khác

Số TT	Nội dung tiêu chí	Điểm chuẩn	Cách tính	Căn cứ tính điểm
14	Tổ chức hưởng ứng Ngày Chuyển đổi số tỉnh Sóc Trăng (Ngày 10/10) hằng năm	8	- Tổ chức hoạt động cụ thể, thiết thực theo yêu cầu và phong trào, hoạt động nhằm nâng cao kết quả chuyển đổi số của địa phương: Điểm = Điểm chuẩn - Tổ chức hoạt động cụ thể, thiết thực theo yêu cầu: Điểm = 3 - Có hoạt động, nhưng chưa cụ thể, thiết thực theo yêu cầu: Điểm = 1	Căn cứ kế hoạch, chương trình cụ thể; báo cáo số liệu kèm theo ảnh, clip minh chứng.